



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ II NĂM 2024

Đà Nẵng, tháng 07 năm 2024

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (30/06/2024)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2024)
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.019.370.086.238	1.654.247.904.976
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	320.695.439.996	201.947.046.193
1 . Tiền	111		7.045.439.996	8.725.046.193
2 . Các khoản tương đương tiền	112		313.650.000.000	193.222.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	205.424.000.000	176.606.702.730
1 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		205.424.000.000	176.606.702.730
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		581.284.107.745	520.080.479.044
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	550.585.743.968	494.790.139.408
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		18.568.114.527	16.396.807.696
3 . Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	2.342.860.000	2.342.860.000
4 . Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	14.621.133.286	11.384.415.976
5 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(4.833.744.036)	(4.833.744.036)
IV. Hàng tồn kho	140		865.447.864.569	692.825.134.434
1 . Hàng tồn kho	141	V.5	868.668.908.045	699.432.962.053
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(3.221.043.476)	(6.607.827.619)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		46.518.673.928	62.788.542.575
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	10.853.054.425	9.714.462.088
2 . Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.11	35.362.977.928	49.433.032.966
3 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	302.641.575	3.641.047.521

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (30/06/2024)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2024)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		656.448.759.205	649.480.688.145
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.883.746.250	5.357.552.545
1 . Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4	3.514.290.000	4.685.720.000
2 . Phải thu dài hạn khác	216	V.4	369.456.250	671.832.545
II. Tài sản cố định	220		484.361.492.277	496.966.421.504
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	482.824.804.300	495.031.384.132
- Nguyên giá	222		1.716.418.907.120	1.679.400.018.055
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.233.594.102.820)	(1.184.368.633.923)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.7	1.536.687.977	1.935.037.372
- Nguyên giá	228		11.863.685.720	11.863.685.720
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(10.326.997.743)	(9.928.648.348)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		28.053.183.307	355.340.191
1 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	28.053.183.307	355.340.191
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	101.569.306.497	109.569.306.497
1 . Đầu tư vào công ty con	251		92.748.900.000	92.748.900.000
2 . Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		10.428.000.000	10.428.000.000
3 . Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.755.702.000	7.755.702.000
4 . Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(9.363.295.503)	(9.363.295.503)
5 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	8.000.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		38.581.030.874	37.232.067.408
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	37.009.236.985	34.969.338.850
2 . Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.571.793.889	2.262.728.558
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.675.818.845.443	2.303.728.593.121

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (30/06/2024)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2024)
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.872.150.476.835	1.531.669.990.461
I. Nợ ngắn hạn	310		1.660.722.274.196	1.323.197.558.540
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	302.146.780.267	216.833.583.103
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.130.156.484	9.919.102.073
3 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.11	23.954.817.167	14.650.550.979
4 . Phải trả người lao động	314		263.009.510.013	317.783.444.012
5 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	3.104.259.732	4.457.247.586
6 . Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		665.437.485	64.771.915
7 . Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	60.280.906.891	114.104.402.259
8 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	919.223.271.388	566.781.924.792
9 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	83.207.134.769	78.602.531.821
II. Nợ dài hạn	330		211.428.202.639	208.472.431.921
1 . Người mua trả tiền trước dài hạn	332		50.545.315	1.998.966.784
2 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	211.377.657.324	206.473.465.137
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		803.668.368.608	772.058.602.660
I. Vốn chủ sở hữu	410		803.668.368.608	772.058.602.660
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.15	360.027.080.000	360.027.080.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		360.027.080.000	360.027.080.000
2 . Quỹ đầu tư phát triển	418		208.385.253.247	198.625.892.531
3 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		235.256.035.361	213.405.630.129
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		153.262.791.808	122.261.437.808
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		81.993.243.553	91.144.192.321
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.675.818.845.443	2.303.728.593.121

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 07 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC









Phạm Anh Thảo

Nguyễn Thị Tường Long

Nguyễn Văn Hải

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2024	Năm 2023 (Đã điều chỉnh lại theo KTN)	Năm 2024	Năm 2023 (Đã điều chỉnh lại theo KTN)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.014.201.614.533	962.602.652.664	2.118.303.942.726	2.132.441.169.467
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		26.349.087	164.058.003	59.147.082	2.145.222.315
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 02)	10		1.014.175.265.446	962.438.594.661	2.118.244.795.644	2.130.295.947.152
4. Giá vốn hàng bán	11		872.873.998.562	882.316.088.256	1.874.814.635.386	1.958.217.203.080
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		141.301.266.884	80.122.506.405	243.430.160.258	172.078.744.072
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	25.311.319.632	23.082.657.266	47.593.458.193	38.699.160.560
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	18.998.644.456	13.852.256.044	34.045.734.083	25.938.408.831
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.893.486.742	7.929.753.958	16.794.243.964	15.235.530.299
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	20.509.817.277	13.921.215.167	40.776.674.262	30.819.903.644
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	37.062.679.024	29.873.953.211	74.053.135.087	65.982.469.775
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		90.041.445.759	45.557.739.249	142.148.075.019	88.037.122.382
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.283.679.913	4.548.920.258	5.656.025.455	5.518.343.801
12. Chi phí khác	32	VI.7	185.888.199	222.854.059	1.332.244.535	4.826.226.750
13. Lợi nhuận khác 40 = (31 - 32 + 33)	40		1.097.791.714	4.326.066.199	4.323.780.920	692.117.051
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		91.139.237.473	49.883.805.448	146.471.855.939	88.729.239.433
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		18.904.429.052	9.025.187.471	27.784.969.717	13.436.002.275
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(854.237.083)	(66.716.245)	690.934.669	3.165.530.588
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50-51-52)	60		73.089.045.504	40.925.334.222	117.995.951.553	72.127.706.570

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 07 năm 2024

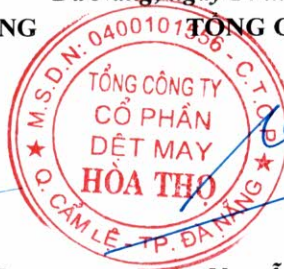
NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC









Phạm Anh Thảo

Nguyễn Thị Tường Long

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ tài chính từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 (đã điều chỉnh lại theo KTN)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 .Lợi nhuận trước thuế	01		146.471.855.939	88.729.239.433
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		50.395.381.246	51.271.066.687
- Các khoản dự phòng	03		(3.386.784.143)	(21.137.320.284)
- Lãi/ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		9.096.972.191	3.501.592.862
- Lãi/ (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(12.363.233.436)	(10.577.022.118)
- Chi phí lãi vay	06		16.794.243.964	15.235.530.299
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		207.008.435.761	127.023.086.879
(08 = 01 + 02 + 03 + 04 + 05 + 06 + 07)				
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(48.346.090.175)	13.124.575.144
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(169.235.945.992)	129.183.102.085
- Tăng, giảm các khoản phải trả(không kể lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		19.982.943.890	(36.602.003.701)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.178.490.472)	(1.846.364.743)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(16.844.067.010)	(15.219.902.404)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(19.172.554.130)	(30.290.427.702)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		300.000.000	21.639.419
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10.076.166.657)	(7.922.722.227)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(39.561.934.785)	177.470.982.750

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ tài chính từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 (đã điều chỉnh lại theo KTN)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(59.222.680.365)	(50.870.575.221)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		24.292.929	288.830.593
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(211.921.000.000)	(139.740.964.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		192.275.132.730	52.420.530.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, và lợi nhuận được chia	27		12.512.248.560	6.437.479.105
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(66.332.006.146)	(131.464.699.523)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.909.274.079.589	1.714.064.164.444
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.560.838.279.855)	(1.632.569.826.756)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(123.793.465.000)	(118.125.320.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		224.642.334.734	(36.630.982.312)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		118.748.393.803	9.375.300.915
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		201.947.046.193	8.786.175.645
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	320.695.439.996	18.161.476.560

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 07 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC









Phạm Anh Thảo

Nguyễn Thị Tường Long

Nguyễn Văn Hải

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“ Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, trong đó Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ 61,87% vốn.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm sợi, may mặc

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi, chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.
- Sản xuất, buôn bán các sản phẩm cơ khí.
- Cho thuê tài sản cố định và máy móc thiết bị.
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, siêu thị, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Gia công kết cấu khung nhà thép các loại, gia công chế tạo, lắp đặt hệ thống thông gió, hệ thống áp lực các loại.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Số liệu báo cáo tài chính riêng được trình bày trên đây đã được tổng hợp số liệu của các đơn vị trực thuộc toàn Tổng công ty, bao gồm:

- Nhà máy may Hòa Thọ 1
- Nhà máy may Hòa Thọ Veston
- Công ty may Hòa Thọ Điện Bàn
- Công ty may Hòa Thọ Đông Hà
- Nhà máy may Hòa Thọ Quảng Ngãi
- Nhà máy may Hòa Thọ Triệu Phong
- Nhà máy may Hòa Quý
- Nhà máy may Quế Sơn
- Trung tâm Kinh doanh Thời trang Hòa Thọ
- Trung Tâm Thương Mại Hòa Thọ.
- Nhà máy Sợi Hòa Thọ 1
- Nhà máy Sợi Hòa Thọ 2
- Văn Phòng Tổng công ty

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Đơn vị tiền tệ kế toán:

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty là Đồng Việt Nam (“VNĐ”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Tổng công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính. Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam:

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. Các Chính sách kế toán áp dụng:

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày đầu tư, được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiêu ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có những bằng chứng xác định là các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc bao gồm tất cả chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính chi cho việc tiêu thụ chúng. Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận Tài sản cố định:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định, và phù hợp với thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính, thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	10 – 25 năm.
- Máy móc và thiết bị:	5 – 15 năm.
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn:	5 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý:	3 – 5 năm.
- Tài sản khác:	2 – 5 năm.
- Phần mềm máy tính:	3 – 5 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn:

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế phát sinh nhưng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn là công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 10 năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- 7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải người bán và các khoản phải trả khác:**
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.
- 8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính:**
* Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có các yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi lại các khoản thu, chỉ có liên quan hoặc hàng hóa có thể bị trả lại.
* Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành dịch vụ vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
* Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu hồi được lợi ích kinh tế từ khi giao dịch đó.
- 9. Chính sách thuế và các lệ phí nộp ngân sách Nhà nước mà Tổng Công ty đang thực hiện:**
- Thuế giá trị gia tăng, áp dụng mức:
 - Thuế suất 0%: áp dụng cho gia công hàng may mặc xuất khẩu, sợi xuất khẩu
 - Thuế suất 5%: áp dụng cho việc bán bông phế.
 - Thuế suất 8%: áp dụng cho các hàng hóa, dịch vụ theo quy định của Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023.
 - Thuế suất 10%: áp dụng cho việc bán phế liệu ngành may, xơ phế; các loại sản phẩm, hàng hóa, nguyên vật liệu.
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất hiện hành 20%.
 - Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân đối kế toán:

1. Tiền và các khoản tương đương tiền:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	30/06/2024	01/01/2024
Tiền mặt tại quỹ	105.940.500	96.178.000
_VND	105.940.500	96.178.000
Tiền gửi ngân hàng	6.939.499.496	8.628.868.193
_VND	3.602.238.913	4.075.955.373
_USD	3.337.260.583	4.552.912.820
Tương đương tiền	313.650.000.000	193.222.000.000
Cộng	320.695.439.996	201.947.046.193

2. Các khoản đầu tư tài chính:

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	205.424.000.000	205.424.000.000	176.606.702.730	176.606.702.730
- Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm	-	-	8.000.000.000	8.000.000.000
Cộng	205.424.000.000	205.424.000.000	184.606.702.730	184.606.702.730

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

	30/06/2024			01/01/2024		
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng
* Đầu tư vào công ty con						
Công ty CP Thời trang – Hòa thọ	775.863	2.667.900.000	-	596.818	2.667.900.000	-
Công ty CP May Hòa Thọ Hội An	541.800	5.418.000.000	-	541.800	5.418.000.000	-
Công ty CP May Hòa Thọ Duy Xuyên	817.300	8.173.000.000	-	817.300	8.173.000.000	-
Công ty CP Sợi Hòa Thọ Thăng Bình	7.449.000	74.490.000.000	-	7.449.000	74.490.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng Hòa Thọ	-	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	-
Cộng		92.748.900.000	-		92.748.900.000	-
* Đầu tư vào công ty Liên doanh, liên kết						
Công ty CP May Hòa Thọ Phú Ninh	400.000	4.000.000.000	(2.557.616.852)	400.000	4.000.000.000	(2.557.616.852)
Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam	642.800	6.428.000.000	-	642.800	6.428.000.000	-
Cộng		10.428.000.000	(2.557.616.852)		10.428.000.000	(2.557.616.852)
* Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty CP Bông và kinh doanh tổng hợp Miền Trung	6.500	855.702.000	(505.678.651)	6.500	855.702.000	(505.678.651)
Công ty CP bao bì Hòa thọ Quảng Đà	60.000	600.000.000	-	60.000	600.000.000	-
Công ty CP Thương mại Dệt may TP HCM	630.000	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	6.300.000.000	(6.300.000.000)
Cộng		7.755.702.000	(6.805.678.651)		7.755.702.000	(6.805.678.651)

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

c) Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
Công ty CP Thời Trang Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và dịch vụ	5.916.075.511	7.319.990.789
Mua hàng hóa và dịch vụ	475.102.438	5.045.559.410
Công ty CP May Hòa Thọ Hội An		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.206.140.057	955.907.170
Mua hàng hóa và dịch vụ	22.470.755.351	30.457.786.442
Công ty CP May Hòa Thọ Duy Xuyên		
Bán hàng hóa và dịch vụ	671.369.128	412.835.780
Mua hàng hóa và dịch vụ	33.362.584.200	27.825.725.794
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và dịch vụ	86.893.508	108.540.704
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.327.909.145	3.743.495.274
Công ty CP Sợi Hòa Thọ Thăng Bình		
Bán hàng hóa và dịch vụ	24.764.653.061	18.696.726.223
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	-
Tập Đoàn Dệt May Việt Nam		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	2.004.546
Mua hàng hóa và dịch vụ	15.706.481.702	15.249.426.911
Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam		
Bán hàng hóa và dịch vụ	266.955.875	195.605.997
Mua hàng hóa và dịch vụ	32.676.716.387	42.816.160.711
Cty CP may Hòa Thọ Phú Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.391.607.161	890.649.263
Mua hàng hóa và dịch vụ	30.411.781.794	47.459.890.566

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng:

a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn :

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
MOTIVES INTERNATIONAL (HONG KONG) LIMITED	201.477.193.761	227.158.560.082
HAGGAR CLOTHING CO.	93.391.688.559	86.827.098.602
Các khách hàng khác	255.716.861.648	180.804.480.724
Tổng cộng	550.585.743.968	494.790.139.408

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:

	30/06/2024	01/01/2024
Tập Đoàn Dệt May Việt Nam	89.417.224	143.590.666
Công ty CP Thời Trang Hòa Thọ	5.898.656.353	524.006.434
Công ty Cp Sợi Hòa Thọ Thăng Bình	23.066.808.605	10.791.850.258
Tổng cộng	29.054.882.182	11.459.447.358

4. Các khoản phải thu:

a, Phải thu ngắn hạn khác:

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
CBCNV tạm ứng	2.579.304.105		1.991.568.703	
Ký cược, ký quỹ	2.412.782.682		1.329.481.000	
Phải thu khác	9.629.046.499		8.063.366.273	
Cộng	14.621.133.286	-	11.384.415.976	-

b, Phải thu dài hạn khác:

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Đặt cọc tiền thuê mặt bằng	369.456.250	-	671.832.545	-
Cộng	369.456.250	-	671.832.545	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

c, Phải thu về cho vay ngắn hạn:

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty Cổ Phần May Hòa Thọ Phú Ninh	2.342.860.000	-	2.342.860.000	-
Cộng	2.342.860.000	-	2.342.860.000	-

d, Phải thu về cho vay dài hạn:

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty Cổ Phần May Hòa Thọ Phú Ninh	3.514.290.000	-	4.685.720.000	-
Cộng	3.514.290.000	-	4.685.720.000	-

5. Hàng tồn kho:

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	137.846.598.499	(1.836.379.708)	95.860.504.547	(376.402.917)
Nguyên vật liệu	240.682.870.672	(887.616.287)	175.584.622.629	(2.448.186.600)
Công cụ dụng cụ	1.877.665.915	-	1.992.255.852	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	406.858.838.003	(432.869.576)	330.208.917.755	(2.473.423.599)
Thành phẩm	27.699.861.491	(23.773.376)	34.262.827.533	(1.275.350.099)
Hàng hóa	3.039.001.939	-	4.750.770.818	-
Hàng gửi đi bán	50.664.071.526	(40.404.529)	56.773.062.919	(34.464.404)
Cộng	868.668.908.045	(3.221.043.476)	699.432.962.053	(6.607.827.619)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Tài sản cố định hữu hình:

Chi tiêu \ Nhóm	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ							
Số dư tại ngày 01/01/2024	397.346.156.274	1.090.095.264.126	82.050.118.636	8.815.522.094	706.128.363	100.386.828.562	1.679.400.018.055
Số Tăng trong kỳ	706.599.378	30.005.640.647	6.607.918.183	121.639.091	-	348.654.720	37.790.452.019
- Mua sắm mới	706.599.378	3.309.000.800	1.650.500.001	121.639.091	-	348.654.720	6.136.393.990
- Đầu tư XDCB hoàn thành		26.696.639.847	4.957.418.182				31.654.058.029
Số Giảm trong kỳ	455.052.681	39.203.264	126.190.716	-	-	151.116.293	771.562.954
- Thanh lý, nhượng bán	455.052.681	39.203.264	126.190.716	-	-	151.116.293	771.562.954
Số dư tại ngày 30/06/2024	397.597.702.971	1.120.061.701.509	88.531.846.103	8.937.161.185	706.128.363	100.584.366.989	1.716.418.907.120
Giá trị đã hao mòn							
Số dư tại ngày 01/01/2024	190.265.996.598	845.937.797.389	50.324.405.082	7.331.266.360	360.739.493	90.148.429.001	1.184.368.633.923
Số khấu hao tăng trong kỳ	10.310.322.493	33.757.678.901	4.167.445.192	283.154.329	50.444.667	1.427.986.269	49.997.031.851
- Tăng do khấu hao trong kỳ	10.310.322.493	33.757.678.901	4.167.445.192	283.154.329	50.444.667	1.427.986.269	49.997.031.851
Số khấu hao giảm trong kỳ	455.052.681	39.203.264	126.190.716	-	-	151.116.293	771.562.954
- Thanh lý, nhượng bán	455.052.681	39.203.264	126.190.716	-	-	151.116.293	771.562.954
Số dư tại ngày 30/06/2024	200.121.266.410	879.656.273.026	54.365.659.558	7.614.420.689	411.184.160	91.425.298.977	1.233.594.102.820
Giá trị còn lại							
Số dư tại ngày 01/01/2024	207.080.159.676	244.157.466.737	31.725.713.554	1.484.255.734	345.388.870	10.238.399.561	495.031.384.132
Số dư tại ngày 30/06/2024	197.476.436.561	240.405.428.483	34.166.186.545	1.322.740.496	294.944.203	9.159.068.012	482.824.804.300

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 854.011 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Tài sản cố định vô hình:

	Phần mềm
Nguyên giá	
Số dư tại ngày 01/01/2024	11.863.685.720
Tăng trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	-
Số dư tại ngày 30/06/2024	11.863.685.720
Khấu hao	
Số dư tại ngày 01/01/2024	9.928.648.348
Tăng trong kỳ	398.349.395
Giảm trong kỳ	-
Số dư tại ngày 30/06/2024	10.326.997.743
Giá trị còn lại	
Số dư tại ngày 01/01/2024	1.935.037.372
Số dư tại ngày 30/06/2024	1.536.687.977

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 7.481 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	30/06/2024	01/01/2024
+ Đầu tư dự án nhà máy Triệu Phong - GD 3	22.622.195.776	293.540.191
+ Cải tạo xưởng cắt Veston	3.081.155.880	-
+ Các công trình khác	2.349.831.651	61.800.000
Cộng	28.053.183.307	355.340.191

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 (Tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Chi phí trả trước:**

	30/06/2024	01/01/2024
a. Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	10.853.054.425	9.714.462.088
b. Dài hạn:		
Chi phí trả trước dài hạn là công cụ không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ	37.009.236.985	34.969.338.850
Cộng	47.862.291.410	44.683.800.938

10. Phải trả người bán ngắn hạn:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/06/2024	01/01/2024
<i>HULTAFORS GROUP AB</i>	<i>36.105.248.832</i>	<i>18.705.524.789</i>
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	<i>266.041.531.435</i>	<i>198.128.058.314</i>
Tổng cộng	302.146.780.267	216.833.583.103

*** Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/06/2024	01/01/2024
- Tập Đoàn Dệt May Việt Nam	5.101.265.224	5.387.148.375
- Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam	2.841.368.409	7.600.436.555
- Công ty CP May Hòa Thọ Hội An	2.522.721.600	5.922.532.886
- Công ty CP May Hòa Thọ Duy Xuyên	3.345.650.734	-
- Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng Hòa Thọ	210.068.987	328.798.421
- Công ty CP May Hòa Thọ Phú Ninh	-	906.163.602
Tổng cộng	14.021.074.954	20.145.079.839

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp nhà nước:

a, Thuế và các khoản phải thu nhà nước:

	01/01/2024	Số phát sinh	Số thực nộp	Số bù trừ với thuế phải trả	khác	30/06/2024
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.045.772.249	-	(743.130.674)	-	302.641.575
Các loại thuế khác	3.641.047.521	-	-	(3.641.047.521)	-	-
Cộng	3.641.047.521	1.045.772.249	-	(4.384.178.195)	-	302.641.575

b, Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

	01/01/2024	Số phát sinh	Số thực nộp	Số bù trừ với thuế phải thu	khác	30/06/2024
Thuế GTGT hàng nội địa	4.136.889.398	50.591.345.757	(25.178.922.028)	(25.090.583.114)	-	4.458.730.013
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	10.044.233.395	(10.044.233.395)		-	-
Thuế xuất nhập khẩu	262.017	915.271.610	(915.353.726)		-	179.901
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.245.891.034	27.784.969.717	(19.172.554.130)		-	18.858.306.621
Thuế thu nhập cá nhân	267.508.530	10.574.852.788	(9.461.630.012)	(743.130.674)	-	637.600.632
Các loại thuế khác	-	6.552.166.023	(2.911.118.502)	(3.641.047.521)	-	-
Cộng	14.650.550.979	106.462.839.290	(67.683.811.793)	(29.474.761.309)	-	23.954.817.167

c, Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ:

	01/01/2024	Số phát sinh	Số đã được hoàn	Bù trừ với thuế GTGT phải trả	Khác	30/06/2024
Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ	49.433.032.966	86.751.278.647	(75.698.076.588)	(25.090.583.114)	(32.673.983)	35.362.977.928

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 (Tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Chi phí phải trả ngắn hạn:**

	30/06/2024	01/01/2024
Chi phí trích trước DDP, giám sát, thuê , in, bao bì (VP)	846.477.378	351.992.592
Chi phí lãi vay	291.548.916	341.371.962
Trích trước chi phí hoa hồng, VC, THC, bảo hiểm (NMS)	1.288.714.577	1.044.475.771
Trích trước chi phí tiền điện, nước, thùng, chi, thực phẩm, hoa hồng (đơn vị may)	654.978.823	2.713.351.261
Các chi phí khác	22.540.038	6.056.000
Cộng	3.104.259.732	4.457.247.586

13. Phải trả ngắn hạn khác:

	30/06/2024	01/01/2024
Kinh phí công đoàn	19.231.345.183	17.260.613.357
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	-
Lãi cổ tức phải trả	37.911.413.600	91.185.664.100
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.118.148.108	5.658.124.802
Cộng	60.280.906.891	114.104.402.259

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Vay và nợ thuê tài chính:

a, Vay ngắn hạn:

	30/06/2024	Phát sinh trong kỳ		01/01/2024
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng 1	-	-	55.000.000.000	55.000.000.000
+ Ngân hàng 2	175.936.955.625	334.878.433.099	338.890.733.535	179.949.256.061
+ Ngân hàng 3	571.313.068.740	1.238.911.450.280	927.072.047.221	259.473.665.681
+ Ngân hàng 4	159.204.501.248	345.163.099.777	241.092.452.669	55.133.854.140
+ Ban liên lạc hưu trí	250.000.000	-	-	250.000.000
Cộng	906.704.525.613	1.918.952.983.156	1.562.055.233.425	549.806.775.882

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

b, Vay dài hạn:

	30/06/2024	Phát sinh trong kỳ		01/01/2024
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Tập đoàn DMVN (Dự án ADB)	210.447.657.324	35.122.565.094	29.598.372.907	204.923.465.137
+ Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam	930.000.000	-	620.000.000	1.550.000.000
Cộng	211.377.657.324	35.122.565.094	30.218.372.907	206.473.465.137

c, Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng:

	30/06/2024	Phát sinh trong kỳ		01/01/2024
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Các khoản vay dài hạn hoàn trả trong vòng 12 tháng	12.518.745.775	4.583.835.953	9.040.239.088	16.975.148.910
Cộng	12.518.745.775	4.583.835.953	9.040.239.088	16.975.148.910

Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, khoản phải thu, hàng tồn kho, và tài sản cố định của Tổng công ty

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Vốn chủ sở hữu:

a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2023 (đã điều chỉnh lại theo KTN)	300.030.750.000	172.150.529.403	348.485.869.498	820.667.148.901
- Tăng vốn trong năm	59.996.330.000	-	(59.996.330.000)	-
- Lãi trong năm	-	-	181.150.962.321	181.150.962.321
- Phân bổ vào các quỹ	-	26.475.363.128	(26.475.363.128)	-
- Cổ tức	-	-	(210.019.070.000)	(210.019.070.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(19.740.438.562)	(19.740.438.562)
Số dư tại ngày 31/12/2023	360.027.080.000	198.625.892.531	213.405.630.129	772.058.602.660
Số dư tại ngày 01/01/2024	360.027.080.000	198.625.892.531	213.405.630.129	772.058.602.660
- Lãi trong năm	-	-	117.995.951.553	117.995.951.553
- Phân bổ vào các quỹ	-	9.759.360.716	(9.759.360.716)	-
- Cổ tức	-	-	(72.005.416.000)	(72.005.416.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(14.380.769.605)	(14.380.769.605)
Số dư tại ngày 30/06/2024	360.027.080.000	208.385.253.247	235.256.035.361	803.668.368.608

b, Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:

	30/06/2024	01/01/2024
Vốn góp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	222.742.050.000	222.742.050.000
Vốn góp của các đối tượng khác	137.285.030.000	137.285.030.000
Cộng	360.027.080.000	360.027.080.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.002.708	36.002.708
- Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	36.002.708
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.002.708	36.002.708
- Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	36.002.708
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Quỹ khen thưởng phúc lợi:

	Quỹ khen thưởng phúc lợi
Số dư tại ngày 01/01/2024	78.602.531.821
Trích lập trong năm từ lợi nhuận	14.380.769.605
Tăng khác	300.000.000
Giảm trong kỳ	10.076.166.657
Số dư tại ngày 30/06/2024	83.207.134.769

17. Các yếu tố ngoài bảng cân đối kế toán:

- **Ngoại tệ các loại:**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VNĐ	Nguyên tệ	Tương đương VNĐ
USD	132.200,20	3.337.260.583	188.813,98	4.552.912.820

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

a, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 (đã điều chỉnh lại theo KTNN)
+ Doanh thu bán hàng và gia công hàng may mặc	2.107.221.339.012	2.121.510.873.585
+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	11.082.603.714	10.930.295.882
Cộng	2.118.303.942.726	2.132.441.169.467

b. Các khoản giảm trừ doanh thu:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
Chiết khấu thương mại	-	1.821.604.478
Hàng bán bị trả lại	59.147.082	323.617.837
Cộng	59.147.082	2.145.222.315

2. Giá vốn hàng bán:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 (đã điều chỉnh lại theo KTNN)
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ gia công hàng dệt may	1.870.772.712.281	1.970.608.589.563
Giá vốn dịch vụ khác	7.428.707.248	8.049.363.064
Trích lập/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.386.784.143)	(20.440.749.547)
Cộng	1.874.814.635.386	1.958.217.203.080

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Doanh thu hoạt động tài chính:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 (đã điều chỉnh lại theo KTN)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, tiền ứng trước	10.821.081.507	4.360.353.525
Chiết khấu thanh toán	3.023.337	17.885.125
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	35.251.494.349	28.393.083.910
Lợi nhuận được chia	1.517.859.000	5.927.838.000
Cộng	47.593.458.193	38.699.160.560

4. Chi phí tài chính:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
Chi phí lãi tiền vay	16.794.243.964	15.235.530.299
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.154.517.928	7.897.856.407
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.096.972.191	3.501.592.862
Dự phòng/(Hoàn nhập) tổn thất đầu tư	-	(696.570.737)
Cộng	34.045.734.083	25.938.408.831

5. Chi phí bán hàng:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 (đã điều chỉnh lại theo KTN)
Chi phí nhân viên	2.246.658.022	2.155.447.982
Chi phí vật liệu, bao bì	320.895.085	292.556.941
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	110.012.966	45.963.488
Chi phí khấu hao TSCĐ	444.068.780	474.171.118
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.437.729.118	21.013.364.827
Chi phí bằng tiền khác	7.217.310.291	6.838.399.288
Cộng	40.776.674.262	30.819.903.644

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 (đã điều chỉnh lại theo KTN)
Chi phí nhân viên quản lý	36.284.332.959	31.862.006.531
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.752.578.731	1.367.628.484
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.523.842.230	5.235.429.022
Thuế, phí và lệ phí	6.927.873.324	3.337.786.972
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.059.861.539	13.449.694.422
Chi phí bằng tiền khác	12.504.646.304	10.729.924.344
Cộng	74.053.135.087	65.982.469.775

7. Thu nhập khác:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	24.292.929	288.830.593
Các khoản thu khác	5.631.732.526	5.229.513.208
Cộng	5.656.025.455	5.518.343.801

8. Chi phí khác:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
Các khoản chi khác	1.332.244.535	4.826.226.750
Cộng	1.332.244.535	4.826.226.750

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 (đã điều chỉnh lại theo KTNN)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.165.904.183.137	1.121.511.011.018
Chi phí nhân công	568.325.982.478	548.289.542.737
Chi phí khấu hao TSCĐ	50.395.381.246	51.271.066.687
Chi phí dịch vụ mua ngoài	262.011.377.482	258.676.280.076
Cộng	2.046.636.924.343	1.979.747.900.518

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 07 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Anh Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tường Long

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hải

